TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 04 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A
2. Bà Trần Thị Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Mỹ Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 696/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Mỹ D, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 84/51 đường M, Phường N, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Quang Đức – Trưởng Văn phòng Luật sư Vũ Quang Đ.

Địa chỉ: Số 288 đường H, Phường I, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn*: Ông Lâm Bình P, sinh năm 1943.

Địa chỉ: 84/51 đường M, Phường N, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 gửi đến Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Mỹ D trình bày:

Bà Trần Mỹ D và ông Lâm Bình P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1974. (Hôn thú bản chính đã thất lạc, hiện còn có giấy chứng chỉ sống chung số 672/NT/SC ngày 22 tháng 11 năm 1974 tại phường Nguyễn Trãi, Tòa Hành Chính Quận 5, Đô Thành Sài Gòn).

Quá trình chung sống đôi bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông P không quan tâm tới vợ và những người thân xung quanh, chỉ biết nghĩ cho riêng mình, ông Phong nhiều lần xúc phạm cha mẹ vợ mặc dù cha mẹ vợ đã mất, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, tình cảm đối với nhau không còn. Trước đây, con cái còn nhỏ thì bà nhẫn nhịn chịu đựng ông P. Nay con cái đã trưởng thành, bà nghĩ vợ chồng không còn tình cảm thì chia tay để bà an dưỡng tuổi già. Bản thân bà hiện đang điều trị bệnh ung thư, nên không thể nào chịu đựng thêm cuộc sống chung vốn tẻ nhạt và vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau. Hiện tại ông P sợ ly hôn thì không có chỗ ở vì nhà đã cho con trai, nhưng bà hoàn toàn không có ý định bán nhà. Ông Phong vẫn ở nhà chung. Nay bà xin ly hôn vì không muốn ông P có mối quan hệ gì với bà nữa.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Lâm Bình Duy N1, sinh năm 1974 và Lâm Bình Duy N2 sinh năm 1975 (Đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ: Không.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D đồng ý với ý kiến của bà D. Đề nghị Tòa cho bà D được ly hôn ông P vì đôi bên không hòa hợp cá tính, chung sống với nhau nhưng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại bà D bị bệnh ung thư đã qua giai đoạn di căn. Đề nghị Tòa cân nhắc xem xét yêu tố này nhằm tạo điều kiện cho bà D an tâm tình dưỡng sức khỏe, và không bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ vợ chồng vốn có nhiều phiền muộn không thể hóa giải được.

Bị đơn ông P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P xác nhận có cùng bà D chung sống với nhau có làm đăng ký kết hôn vào năm 1973, hiện hôn thú bản chính đã lạc mất, nay chỉ còn chứng chỉ sống chung số 672/NT/SC ngày 22 tháng 11 năm 1974 tại Phường Nguyễn Trãi, Tòa Hành Chính Quận 5, Đô thành Sài Gòn. Quá trình chung sống đôi bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bà D cũng có thái độ kỳ thị, không đếm xỉa đến ông khi ông là chồng của bà. Trước đây, bà có lần đi chơi với con, không nấu ăn nấu uống gì cho ông, ông phải cũng tự ăn, tự làm không có phàn nàn gì. Bà đi chữa bệnh nhưng không có thông tin cho ông biết, khoảng 1 năm nay, ông mới biết bà đang bị bệnh.

Khoảng năm 2016, bà D yêu cầu ông ra Sở Tài nguyên, chuyển quyền sở hữu nhà ở qua tên con trai là Lâm Bình Duy N2 đứng tên để ông N2 có thể tiện việc đi nước ngoài du lịch. Để thuận theo ý bà D, ông cũng đã ra cơ quan có thẩm quyền chuyển tên cho con xong. Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì tuổi già không còn nơi nào nương tựa, nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu ông đồng ý ly hôn, sau này bà và con sẽ lấy lý do nhà đã chuyển tên qua cho con trai, và sẽ đuổi ông ra khỏi nhà. Ông yêu cầu Tòa giữ nguyên tình trạng hiện nay và không làm xáo trộn cuộc sống của ông. Hiện tại ông làm nghề thầy thuốc châm cứu chữa bệnh, ông cũng có lương để tự sống. Vợ ông nhận tiền từ một người con ở nước ngoài gửi về. Ông yêu cầu Tòa cho thời gian thêm một năm nữa để tìm chỗ ở khác rồi sẽ đồng ý ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn ngay

vì ông không có chỗ ở nào khác nếu con ông lấy cớ đã đứng tên chủ quyền nhà và đuổi ông ra khỏi nhà và ông sẽ mất hết bệnh nhân vì ông chữa bệnh tại nhà.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Lâm Bình Duy N1 sinh năm 1974 và Lâm Bình Duy N2 sinh năm 1975 (Đã trưởng thành)

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Mỹ D yêu cầu được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn Lâm Bình P, các bên đương sự cư trú tại Phường M, Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào chứng chỉ sống chung số 672/NT/SC ngày 22 tháng 11 năm 1974 tại phường Nguyễn Trãi, Tòa Hành chính Quận 5, Đô thành Sài Gòn. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Mỹ D và ông Lâm Bình P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng của ông Lâm Bình P và bà Trần Mỹ D là có thật. Giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhặt, lặt vặt trong đời sống hàng ngày và thường xuyên có ý nghĩ không tốt đối với nhau. Thời gian gần đây, vợ chồng không có sự quan tâm nào đối với nhau. Bà D bị bệnh nặng và ngày càng trở nên trầm trọng nhưng giữa vợ chồng hầu như không có sự thông cảm và nương tựa vào nhau những khi đau ốm, hoặc lúc tuổi già. Qua đó cho thấy một đời sống gia đình không tồn tại đúng nghĩa mà ngược lại có thể gây ra hệ lụy về mặt thể chất sức khỏe và tinh thần cho cả hai phía đặc biệt là bà D sức khỏe đang ngày có chiều hướng xấu đi. Theo kết quả khám nghiệm sức khỏe của bà D đã cho thấy bà bệnh ung thư và đã phẫu thuật cắt bỏ vú trái. Đồng thời kết quả xét nghiệm mới nhất đã cho thấy có sự di căn u hạch. Hội đồng xét xử nhận thấy khi đời sống hôn nhân và gia đình hiện tại không mấy hạnh phúc và yên ổn sẽ làm giảm thiểu chất lượng cuộc sống của bà, nghĩ nên cân nhắc cho bà được ly hôn với ông P để đảm bảo cho bà sự yên ổn về mặt tinh thần là hoàn toàn phù hợp với những quy định tại Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về nợ: không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà D là người cao tuổi nên bà được miễn án phí thuộc trường hợp miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mỹ D được ly hôn ông Lâm Bình P.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà D được miễn án phí. Hoàn lại cho bà D số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AE/2014/00001970 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Hoa